

Số: 59/2023/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 13 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Sơn Ngô Ngọc T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Chị Thạch Thị Ngọc D, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Sơn Ngô Ngọc T và chị Thạch Thị Ngọc D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh Sơn Ngô Ngọc T và chị Thạch Thị Ngọc D tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- *Về con chung*: Sơn Ngô Tuấn P, sinh ngày 08/7/2021 và Sơn Ngô Tuấn A, sinh ngày 13/8/2022. Anh T1 và chị D tự thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như sau:

Chị Thạch Thị Ngọc D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên S Ngô Tuấn P, sinh ngày 08/7/2021 và Sơn Ngô Tuấn A, sinh ngày 13/8/2022 khi ly hôn.

Anh S Ngô Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Sơn Ngô Ngọc T và chị Thạch Thị Ngọc D tự thỏa thuận mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng và thời gian cấp dưỡng như sau:

Anh Sơn Ngô Ngọc T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa là 900.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung tên S Ngô Tuấn P, sinh ngày 08/7/2021 và Sơn Ngô Tuấn A, sinh ngày 13/8/2022 đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị Thạch Thị Ngọc D.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Tại phiên hòa giải anh Sơn Ngô Ngọc T và chị Thạch Thị Ngọc D xác định tài sản chung của vợ chồng gồm 03 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 (chị D đã bán số vàng này được số tiền 15.000.000 đồng, số tiền này chị D đang quản lý).

Khi ly hôn anh T và chị D tự thỏa thuận phương thức phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

Anh T được chia 7.500.000 đồng, chị D có nghĩa vụ giao số tiền 7.500.000 đồng cho anh T1. Chị D được chia 7.500.000 đồng, số tiền này chị D đã tiêu xài hết.

- *Về thời hạn giao nhận tiền*: Anh Sơn Ngô Ngọc T và chị Thạch Thị Ngọc D tự nguyện thỏa thuận do cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về số nợ phải thu, phải trả*: Tại phiên hòa giải anh T và chị D không tranh chấp, không khởi kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài sản chung*: Anh Sơn Ngô Ngọc T tự nguyện chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân, 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 187.500 đồng án phí chia tài sản chung nhưng do anh T là người dân tộc khmer và có đơn xin miễn án phí Căn cứ vào các Điều 12, 14 và Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Thẩm phán chấp nhận cho anh T được miễn nộp tiền án phí.

Chị Thạch Thị Ngọc D tự nguyện chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và 187.500 đồng án phí chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Đương sự;
- UBND xã Kim Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hà